

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần: DSO02.3

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: DSO02.3-2-2-24(N02)_05/05/2025_2_1

Thi tại : 202-A8

Ngày thi: 05/05/2025

Ca thi: Ca 2

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	201200010	Khổng Văn Việt Anh	K61.CNTT3	—	—	—	—	—
2	2	201113366 ✓	Nông Khoa Bình	K61.CDB4	5,0	64	—	<i>Bp</i>	—
3	3	201507647	Lê Minh Đạt	K61.TBDCN2	—	—	—	—	—
4	4	201403912 ✓	Phạm Ngọc Đạt	K61.KTVTHONG2	6,5	64	—	<i>Đạt</i>	—
5	5	201133592 ✓	Đinh Thu Hà	K61.DBO	3,0	62	—	<i>Hà</i>	—
6	6	202504462 ✓	Hoàng Ngọc Hân	K61.XDDDCN2	0,3	62	—	<i>Hân</i>	—
7	7	201503756	Nguyễn Hoàng Hiệp	K61.TBDCN4	—	—	—	—	Nợ HP
8	8	202504480 ✓	Bùi Đức Hoàng	K61.XDDDCN2	2,5	64	—	<i>Hoàng</i>	—
9	9	201103633 ✓	Phí Việt Hoàng	K61.DSDT	3,3	62	—	<i>Hoàng</i>	—
10	10	201106777	Vũ Đại Hùng	K61.CDB4	—	—	—	—	Nợ HP
11	11	201517542 ✓	Nguyễn Quốc Huy	K61.TBDCN1	3,3	62	—	<i>Huy</i>	—
12	12	201103462 ✓	Cao Duy Khánh	K61.CDB3	2,5	62	—	<i>Khánh</i>	—
13	13	201116226 ✓	Nông Tùng Khánh	K61.CDB3	5,8	64	—	<i>Khánh</i>	—
14	14	181504203	Trịnh Quốc Khánh	K60.TBDCN4	—	—	—	—	Nợ HP
15	15	181101208	Đặng Minh Long	K59.CDB2	—	—	—	—	Nợ HP
16	16	171110218 ✓	Nguyễn Duy Long	K59.CTGTCC	4,8	64	—	<i>Long</i>	—
17	17	181413445 ✓	Đinh Công Luận	K59.KTVTHONG 1	4,3	64	—	<i>Luân</i>	—
18	18	201414029	Vũ Hoàng Đức Minh	K61.KTVTHONG1	—	—	—	—	—
19	19	181400729	Nguyễn Thành Nam	K60.KTTTin	—	—	—	—	Nợ HP
20	20	202535176 ✓	Ngô Gia Nguyên	K61.XDDDCN3	4,8	62	—	<i>Ngô</i>	—
21	21	201404042	Nguyễn Hữu Nguyên	K61.KTVTHONG2	—	—	—	—	Nợ HP
22	22	201135432 ✓	Nguyễn Xuân Minh Quân	K61.CDB3	3,0	62	—	<i>Quân</i>	—
23	23	181603575 ✓	Hoàng Quốc Thái	K59.TDH3	0,5	64	—	<i>Thái</i>	—
24	24	201515494	Trần Ngọc Thanh	K61.HTDGTCTN	—	—	—	—	—
25	25	201604322 ✓	Đào Xuân Thắng	K61.TDH3	—	64	—	<i>Thắng</i>	Nợ HP
26	26	192833838 ✓	Phạm Đức Thịnh	K60.CANGBIEN	1,5	64	—	<i>Thịnh</i>	—
27	27	202534629	Phan Nguyên Toàn	K61.VLCNXD	—	—	—	—	Nợ HP
28	28	181103482	Đặng Quốc Trung	K60.CDBO4	—	—	—	—	Nợ HP
29	29	171101012	Lê Duy Tú	K58.CH	—	—	—	—	Nợ HP
30	30	171110332	Bùi Sơn Tùng	K58.QLXDCTGT	—	—	—	—	—

Mã học phần:

DSO02.3

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: DSO02.3-2-2-24(N02)_05/05/2025_2_1

Thi tại : 202-A8

Ngày thi: 05/05/2025

Ca thi: Ca 2

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	34	191413541	Nguyễn Tài Văn	K60.KTVTHONG1					Nợ HP
32	32	202534505	✓ Phạm Văn Huy	K61.XDDDCN1	1,5	62		Huy	
33	33	201604327	Thân Ngọc Thắng	K61.TDH1					

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Nguyễn Văn Hoàng


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần: DSO02.3 Tên học phần: Đại số tuyến tính Số TC : 3
Mã DST: DSO02.3-2-2-24(N02)_05/05/2025_2_1 Thi tại : 202-A8
Ngày thi: 05/05/2025 Ca thi: Ca 2 Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	25	201604322	Đào Xuân Thắng	K61.TDH3	8,0	64		Trắng	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng



Ghi chú:  


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Tự Giay

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần: BS0.101.3 Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N03)_06/05/2025_1_2 Thi tại : 504-A2

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 1

Phòng số: 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	130	V222036625	Hoàng Thái An	K63.KTXDCTGT4					Nợ HP
2	131	233732626	✓ Bùi Thị Kim Anh	K64.HTGTTM	6,0	57		Kim Anh	
3	132	232833082	✓ Đặng Sỹ Nhật Anh	K64. CTTHUY	1,0	53		Anh	
4	133	231133147	✓ Lê Kiều Anh	K64.KTXDCTGT8	4,3	52		ML	
5	134	233833874	Lê Minh Anh	K64.KTCSHT					Nợ HP
6	135	233732627	✓ Nguyễn Duy Anh	K64.HTGTTM	4,0	48		Anh	
7	136	233702628	✓ Nguyễn Lê Việt Anh	K64.HTGTTM	5,0	48		Vinh	
8	137	222634031	✓ Phạm Thành Anh	K63.CLCCDBVA	00,0	53		AT	
9	138	231103165	✓ Phan Đức Anh	K64.KTXDCTGT9	4,0	52		Đ	
10	139	222601068	✓ Phan Quốc Bảo	K63.CLCCNTTV1	7,8	52		Bảo	
11	140	231133205	Đào Anh Dũng	K64.KTXDCTGT4					Nợ HP
12	141	211131380	✓ Nguyễn Tuấn Dũng	K62.KSCDB3		48		Đ	3,0 Nợ HP
13	142	231432196	✓ Trần Quang Dũng	K64.KTDTVT3	8,3	48		Đ	
14	143	231133223	✓ Trần Viết Dũng	K64.KSTNCDB	2,0	57		Đ	
15	144	231103244	✓ Nguyễn Hữu Dương	K64.KTXDCTGT4	0,5	53		Đ	
16	145	231103247	✓ Nguyễn Thùy Dương	K64.KTXDCTGT3	3,5	52		Thùy Dương	
17	146	213006705	✓ Bùi Tuấn Đạt	K62.TUD	2,0	53		Đạt	
18	147	231133257	✓ Đinh Mạnh Đạt	K64.KTXDCTGT9	5,5	57		Đ	
19	148	233332559	✓ Lê Danh Đạt	K64.RBTTNT	5,8	57		Đ	
20	149	222503078	✓ Nguyễn Công Đạt	K63.KYTHUATXD3	2,0	53		Đạt	
21	150	221103573	Phạm Tiến Đạt	K63.KTXDCTGT4					
22	151	231133279	✓ Hoàng Minh Đức	K64.KTXDCTGT4	3,5	48		Đức	
23	152	231103281	✓ Lương Minh Đức	K64.KTXDCTGT5	2,3	52		Đức	
24	153	231133294	✓ Trần Anh Đức	K64.KTXDCTGT4		48		Đức	2,3 Nợ HP
25	154	231133299	✓ Nguyễn Thị Ngân Giang	K64.KSTNCDB	6,3	48		Đ	
26	155	222533105	✓ Phạm Biên Giới	K63.KYTHUATXD4		52		Đ	00,0 Nợ HP
27	156	233732642	✓ Nguyễn Long Hải	K64.HTGTTM	3,5	57		Hải	
28	157	222503116	✓ Phạm Đình Hiệp	K63.KYTHUATXD4	5,0	48		Huân	
29	158	232633807	✓ Phạm Đức Hiệt	K64.GTDTVN(QT)	2,0	53		Hiệt..	
30	159	233833889	Hoàng Văn Hiếu	K64.KTCSHT					Nợ HP
31	160	231103353	✓ Đỗ Phạm Hữu Hoàng	K64.KTXDCTGT4	3,5	52		Hoàng	
32	161	231103359	✓ Nguyễn Chí Hoàng	K64.KTXDCTGT8	2,0	48		Hoàng	
33	162	231632452	✓ Lý Đức Hùng	K64.DKTDH1	3,0	57		Hùng	
34	163	231622453	✓ Nguyễn Văn Hùng	K64.DKTDH1	4,0	53		Hùng	
35	164	233332572	✓ Đào Đăng Huy	K64.RBTTNT	00,0	48		Huy	
36	165	222833400	✓ Đỗ Quốc Huy	K63.KTXDCTHUY	1,0	57		Huy	
37	166	231133396	✓ Nguyễn Quang Huy	K64.KTXDCTGT4	3,5	52		Huy	

học phần:

BS0.101.3

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N03)_06/05/2025_1_2

Thi tại : 504-A2

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 1

Phòng số: 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	167	231133403	✓ Trần Quang Huy	K64.KTXDCTGT4	3,0	57		Huy	
39	168	231133404	✓ Trần Quốc Huy	K64.KTXDCTGT3	3,0	57		Huy	
40	169	233833899	✓ Nguyễn Ngọc Khánh	K64.KTCSHT	6,5	52		Khánh	
41	170	221103738	✓ Phạm Đăng Khánh	K63.KTXDCTGT6	00,0	53		Đanh	
42	171	223332836	✓ Phạm Văn Kiều	K63.RBTTNT	4,0	57		Kieu	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


Phạm Văn Hoàng Sơn


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần:

BS0.101.3

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N03)_06/05/2025_1_3

Thi tại : 505-A2

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 1

Phòng số: 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	172	232633827	Bùi Tùng Lâm	K64.GTDTVN(QT)	6,0	57		<i>Blau</i>	
2	173	232633829	Nguyễn Viết Long	K64.GTDTVN(QT)	4,0	48		<i>C</i>	
3	174	221133779	Nguyễn Ngọc Thành Luân	K63.KTXDCTGT7	1,5	52		<i>Luân</i>	
4	175	233732658	Nguyễn Duy Mạnh	K64.HTGTTM	4,8	48		<i>Bm</i>	
5	176	221103794	Nguyễn Như Mây	K63.KTXDCTGT7	6,5	48		<i>may</i>	
6	177	231133496	Đào Tuấn Minh	K64.KTXDCTGT9	3,5	57		<i>Minh</i>	
7	178	231133499	Lê Quang Minh	K64.KTXDCTGT9	3,8	53		<i>Minh</i>	
8	179	231133508	Phạm Hoàng Minh	K64.KTXDCTGT7	5,0	57		<i>Minh</i>	
9	180	221133803	Trần Công Minh	K64.KTXDCTGT7	2,5	52		<i>Minh</i>	
10	181	231133516	Trịnh Hồng Minh	K64.KTXDCTGT3	1,8	48		<i>Minh</i>	
11	182	233732659	Vũ Đức Minh	K64.HTGTTM					Nợ HP
12	183	231133518	Vũ Quang Minh	K64.KTXDCTGT4	3,8	53		<i>Minh</i>	
13	184	231133519	Chu Tiến Nam	K64.KTXDCTGT1	3,5	48		<i>Nam</i>	
14	185	221133808	Đỗ Duy Nam	K63.KTXDCTGT7	3,8	52		<i>Nam</i>	
15	186	211133962	Nguyễn Thành Nam	K62.KSCAUKC					
16	187	231133531	Nguyễn Thu Ngân	K64.KSTNCDB	9,8	52		<i>Ngân</i>	
17	188	213046712	Hà Quang Nghĩa	K62.TUD	1,8	53		<i>Nghĩa</i>	
18	189	231133549	Trần Thế Phong	K64.KTXDCTGT3					Nợ HP
19	190	231133563	Đỗ Xuân Phương	K64.KTXDCTGT8					Nợ HP
20	191	232532978	Đồng Việt Quang	K64.KYTHUATXD1	3,5	57		<i>Quang</i>	
21	192	221133846	Lê Đăng Quang	K63.KTXDCTGT3		57		<i>Quang</i>	Nợ HP
22	193	222503235	Nguyễn Minh Quang	K63.KYTHUATXD1	5,3	48		<i>Quang</i>	
23	194	233833915	Trịnh Hùng Quân	K64.KTCSHT	1,8	53		<i>Quân</i>	
24	195	221133876	Nguyễn Thế Quyền	K63.KTXDCTGT4	0,5	53		<i>Quyền</i>	
25	196	231230890	Nông Trường Sơn	K64.CNTT4					Nợ HP
26	197	221103896	Nguyễn Xuân Tài	K63.KTXDCTGT7	2,5	57		<i>Tài</i>	
27	198	222533259	Nguyễn Công Thái	K63.KYTHUATXD2	3,5	52		<i>Thái</i>	
28	199	231133636	Nguyễn Văn Thành	K64.KSTNCDB					Nợ HP
29	200	231133643	Lê Văn Thắng	K64.KTXDCTGT8	4,3	52		<i>Thắng</i>	
30	201	232631052	Lưu Minh Thắng	K64.CNTTVA1(QT)	3,5	48		<i>Thắng</i>	
31	202	211410526	Lưu Quang Thắng	K62.KSKTVT	5,0	52		<i>Thắng</i>	
32	203	231133664	Đặng Đức Thuận	K64.KTXDCTGT4	4,8	57		<i>Thuận</i>	
33	204	232633859	Đặng Việt Tiến	K64.CDA(QT)	1,0	53		<i>Tiến</i>	
34	205	211101765	Nguyễn Song Toàn	K62.KSCDB3	4,8	48		<i>Toàn</i>	
35	206	222533288	Nguyễn Văn Trung	K63.KYTHUATXD3	3,0	57		<i>Trung</i>	
36	207	231133691	Nguyễn Viết Trung	K64.KSTNCDB	1,8	48		<i>Trung</i>	
37	208	233833925	Giang Tuấn Trường	K64.KTCSHT	1,0	53		<i>Trường</i>	
38	209	231133697	Lê Phạm Xuân Trường	K64.KTXDCTGT6	4,8	48		<i>Trường</i>	
39	210	231133702	Trịnh Quang Trường	K64.KTXDCTGT6	4,0	52		<i>Trường</i>	
40	211	231103708	Trịnh Ngọc Tú	K64.KTXDCTGT6	2,0	52		<i>Tú</i>	
41	212	232533019	Chu Anh Tuấn	K64.KYTHUATX2	4,0	57		<i>Tuấn</i>	
42	213	233332611	Đỗ Anh Tuấn	K64.RBTTNT	3,3	53		<i>Tuấn</i>	

Mục phần:

BS0.101.3

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N03)_06/05/2025_1_3

Thi tại : 505-A2

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 1

Phòng số: 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Kỳ nộp	Ghi chú
43	244	231133726	Trần Quang Tuấn	K64.KTXDCTGT2	✓				Nợ HP
44	215	222533314	✓ Hoàng Anh Tùng	K63.KYTHUATXD2	2,5	57		Huyết	
45	216	232633869	✓ Lê Thế Vinh	K64.CDP(QT)	3,3	53		Quang	
46	217	221104022	Đặng Long Vũ	K63.KTXDCTGT7	✓				
47	248	231133764	Đỗ Đức Vượng	K64.KTXDCTGT2	✓				Nợ HP

Tổng số bài thi : 38

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Uk *Ph*
 Bùi Hương Phạm và Hoàng Sơn

Phong
 PGS.TS. Trần Văn Long

h
 Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần: BS0.101.3 Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N03)_06/05/2025_1_2 Thi tại : 504-A2

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 1

Phòng số: 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
4	141	211131380	Nguyễn Tuấn Dũng	K62.KSCDB3	3,0				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

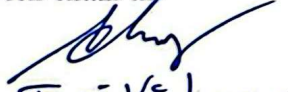
Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


B. Hương


Trần Văn Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần: BS0.101.3 Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N03)_06/05/2025_1_3 Thi tại : 505-A2

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 1

Phòng số: 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	192	221133846	Lê Đăng Quang	K63.KTXDCTGT3	9,0			Quang	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

B. Hương

Trần Văn Long

PGS.TS. Trần Văn Long

Trần Tấn Quý

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần:

BS0.101.3

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 3

Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N04)_09/05/2025_4_1

Thi tại : 103-A2

Ngày thi: 09/05/2025

Ca thi: Ca 4

Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	90	221103430	Hoàng Khánh An	K63.KTXDCTGT4	2,0	58		An	
2	91	231103144	Hoàng Tuấn Anh	K64.KTXDCTGT6					Nợ HP
3	92	232532789	Ứng Việt Anh	K64.KYTHUATXD1	5,0	63		Anh	
4	93	231133164	Nông Hoàng Anh	K64.KTXDCTGT9					Nợ HP
5	94	232532800	Nguyễn Xuân Bách	K64.KYTHUATXD3	4,0	56		Bách	
6	95	221103496	Đoàn Hải Bằng	K63.KTXDCTGT2					
7	96	233732633	Bùi Đức Văn Chương	K64.HTGTMM	4,5	56		Chương	
8	97	231133193	Nguyễn Văn Chương	K64.KTXDCTGT1		56		Chương	Nợ HP
9	98	211406302	Hồ Khắc Cường	K62.CNKTDVT					Nợ HP
10	99	233732634	Nguyễn Quốc Doanh	K64.HTGTMM		56		Doanh	1,8 Nợ HP
11	100	231133217	Nguyễn Thái Dũng	K64.KTXDCTGT8	4,0	63		Dũng	
12	101	231133222	Trần Tuấn Dũng	K64.KTXDCTGT9	3,0	63		Dũng	
13	102	232633786	Đỗ Phương Duy	K64.CDP(QT)		63		Duy	2,0 Nợ HP
14	103	221103543	Nguyễn Hải Dương	K63.KTXDCTGT2	2,5	58		Dương	
15	104	232532831	Phạm Nguyễn Hải Dương	K64.KYTHUATXD1	0,8	63		Dương	
16	105	231133286	Nguyễn Lương Đức	K64.KTXDCTGT6	1,5	63		Đức	
17	106	231133303	Đào Minh Hải	K64.KTXDCTGT3	3,8	58		Hải	
18	107	223620688	Trần Quang Hải	K63.KHMT					
19	108	223030624	Nguyễn Đức Hiếu	K63.TUD	5,5	56		Hiếu	
20	109	231532084	Trần Trung Hiếu	K64.KTD1					Nợ HP
21	110	232603811	Nguyễn Viết Hoan	K64.CDA(QT)	2,3	63	01	Hoan	
22	111	221103684	Nguyễn Mạnh Hùng	K63.KTXDCTGT4	1,5	56		Hùng	
23	112	232502888	Mai Quang Huy	K64.KYTHUATXD1	3,5	58		Huy	
24	113	222604069	Nguyễn Tuấn Hưng	K63.CLCGBVA		56		Hưng	00,0 Nợ HP
25	114	231133418	Trần Tuấn Khanh	K64.KTXDCTGT6		58		Khanh	00,0 Nợ HP
26	115	231133484	Nguyễn Đình Mạnh	K64.KTXDCTGT8	2,0	63		Mạnh	
27	116	231133509	Phạm Ngọc Minh	K64.KTXDCTGT6	2,8	58		Minh	
28	117	221432545	Đào Hoài Nam	K63.KTDTVT1	2,8	56		Nam	
29	118	231103526	Nguyễn Hữu Nam	K64.KTXDCTGT3	2,0	56		Nam	
30	119	221432563	Nguyễn Thế Phong	K63.KTDTVT3	2,3	58		Phong	
31	120	221133834	Nguyễn Văn Phong	K63.KTXDCTGT2	1,3	63		Phong	
32	121	222533234	Đặng Nhật Quang	K63.KYTHUATXD1					
33	122	233732665	Đào Quang Sáng	K64.HTGTMM	4,5	56		Sáng	
34	123	231133622	Phùng Minh Tân	K64.KTXDCTGT8	1,3	58		Tân	
35	124	221432595	Tạ Tiến Thành	K63.KTDTVT2		58		Thành	Nợ HP
36	125	231133647	Phạm Hữu Thắng	K64.KTXDCTGT8	1,5	63		Thắng	
37	126	221133948	Nguyễn Văn Toàn	K63.KTXDCTGT4	3,0	58		Toàn	

Mã học phần: BS0.101.3 Tên học phần: Đại số tuyến tính Số TC : 3
Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N04)_09/05/2025_4_1 Thi tại : 103-A2
Ngày thi: 09/05/2025 Ca thi: Ca 4 Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	127	231133681	Võ Anh Minh Trí	K64.KTXDCTGT3	0,5	63		Huà	
39	128	231133752	Nguyễn Quang Vinh	K64.KTXDCTGT8	3,8	58		oul	
40	129	231402397	Nguyễn Hoàng Vũ	K64.KTDTVT3					

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Phan Văn Hoàng Sơn

T.V. Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần: BS0.101.3 Tên học phần: Đại số tuyến tính Số TC : 3
Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N04)_09/05/2025_4_1 Thi tại : 103-A2
Ngày thi: 09/05/2025 Ca thi: Ca 4 Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	97	231133193	Nguyễn Văn Chương	K64.KTXDCTGT1	2,5				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

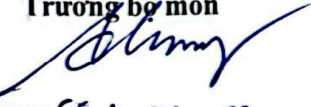
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Phan Vũ Hoàng Sơn

T.V. Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thị Ngọc

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25

Mã học phần: BS0.101.3 Tên học phần: Đại số tuyến tính Số TC : 3
Mã DST: BS0.101.3-2-2-24(N04)_09/05/2025_4_1 Thi tại : 103-A2
Ngày thi: 09/05/2025 Ca thi: Ca 4 Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	124	221432595	Tạ Tiến Thành	K63.KTDTVT2	6,5				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Phạm Văn Hoàng Sơn


T.V. Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thị Giay

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP